

Bản án số: **04/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-02-2025

“*Tranh chấp về ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Liêm.

Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 247/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Danh Chí T, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: Tổ y, khu phố PTL, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Ngọc Nh, sinh năm 1994. Có mặt

Địa chỉ: Tổ x, ấp AL, xã ĐA, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người làm chứng:*

- Bà Dương Mỹ L, sinh năm 1969. Có mặt

Địa chỉ: Tổ x, ấp AL, xã ĐA, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Danh B, sinh năm 1958. Có mặt

Địa chỉ: Tổ y, khu phố PTL, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Danh Chí T trình bày: Vào năm 2018 qua sự giới thiệu của người thân giữa anh và chị Trần Ngọc Nh có tình cảm với nhau khoảng một năm thì tiến tới tổ chức lễ cưới vào năm 2019, theo phong tục tập quán của địa phương và đến ngày 19/3/2019 được UBND thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27. Thời gian đầu anh chị chung sống có hạnh phúc; được khoảng 02 năm thì anh chị xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mất lòng tin với nhau; mặt khác chị Nh thường xuyên bỏ nhà đi đến nay khoảng 06 lần, sự việc mâu thuẫn này đã được cha mẹ hai bên biết và động viên hàn gắn nhưng anh chị vẫn mâu

thuần, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2024 cho đến nay và trong thời gian đó cũng không có biện pháp nào hàn gắn lại tình cảm.

Nay anh T xét thấy chung sống với chị Nhi không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và đề trả lại tự do cho nhau. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với chị Trần Ngọc Nh.

- Về con chung: Anh và chị Nh chúng sống có được 01 người con chung tên là Danh Trần Chí Th (giới tính nam), sinh ngày 07/6/2020, hiện nay cháu Th đang sống cùng với chị Nh và ông bà ngoại. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Th đến tuổi trưởng thành và anh không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung, anh cam đoan đảm bảo quyền thăm nom chăm sóc con cho chị Nh theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh xác định chung sống không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh xác định chung sống không có nợ ai và không ai nợ anh chị

* *Bị đơn chị Trần Ngọc Nh trình bày:* Nguyên vào năm 2018 qua sự giới thiệu của người thân giữa chị và anh Danh Chí T có tình cảm với nhau trong khoảng một năm thì tiến tới tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đến ngày 19/3/2019 được UBND thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27. Thời gian đầu chúng tôi chung sống có hạnh phúc; được 02 năm giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mất lòng tin với nhau và không có tiếng nói chung; tính của anh T rất gia trưởng, gia đình nhà chồng thì quá khắc khe và do không chấp nhận cách cư xử bên nhà chồng nên chị bỏ về nhà mẹ ruột chứ sinh sống, sự việc mâu thuẫn này đã được cha mẹ hai bên động viên hàn gắn nhưng anh chị vẫn mâu thuẫn, chị xác định đã ly thân với anh T từ tháng 8/2024 cho đến nay và trong thời gian đó anh chị cũng không có biện pháp nào hàn gắn lại tình cảm. Chị nhận thấy chung sống với anh T không còn hạnh phúc và chị không còn tình cảm với anh T. Nay, anh T yêu cầu ly hôn thì chị hoàn toàn thống nhất ly hôn với anh Danh Chí T.

Về con chung: Chị và anh T chúng sống có được 01 người con chung tên là Danh Trần Chí Th (giới tính nam), sinh ngày 07/6/2020, hiện nay cháu Th đang sống cùng với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Th đến tuổi trưởng thành và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung, chị cam đoan đảm bảo quyền thăm nom chăm sóc con cho anh T theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị xác định chung sống không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định chung sống không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình; Chấp nhận cho anh Danh Chí T được ly hôn với chị Trần Ngọc Nh; Về con chung: Giao cháu Danh Trần Chí Th (giới tính nam), sinh ngày 07/6/2020 cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp; tại phiên tòa anh T trình bày nếu giao con cho chị Nh thì anh tự nguyện cấp dưỡng chi phí nuôi con chung cho chị Nh mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Th tròn 18 tuổi nên đề nghị ghi nhận; Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị xác định không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Danh Chí T xin ly hôn với chị Trần Ngọc Nh. Nơi bị đơn chị Trần Ngọc Nh đang cư trú tại ấp An Lợi, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Danh Chí T và chị Trần Ngọc Nh xác lập cuộc sống chung vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gò Quao vào ngày 19 tháng 3 năm 2019. Như vậy anh T và chị Nh đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh Danh Chí T xin ly hôn với chị Trần Ngọc Nh với lý do trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh chị không còn niềm tin với nhau, từ đó giữa anh chị thường xuyên gây gổ với nhau, mâu thuẫn của anh chị cũng được người thân khuyên giải nhưng anh chị vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Đến nay anh chị không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng cũng không còn tình cảm và không thể nào hàn gắn được. Theo anh T thì chị Nh đã nhiều lần bỏ nhà đi, anh đã khuyên nhủ nhưng không được và đến nay chị Nh không còn quan tâm đến anh; theo chị Nh do sống bên nhà chồng khắc khe, anh T có tính gia trưởng nên chị mới bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống; anh và chị Nh xác định đã ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Xét thấy anh T và chị Nh không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Bản thân anh, chị người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống, sự việc đã được hòa giải, động viên nhiều lần nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa anh T đã tỏ ra thái độ cương quyết ly hôn với chị Nh, đối với chị Nh cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của anh chị đã trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị Nh là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh T và chị Nh có được 01 người con chung tên là Danh Trần Chí Th (giới tính nam), sinh ngày 07/6/2020, hiện nay cháu Th đang ở cùng với chị Nh và ông bà ngoại. Anh T và chị Nh đều nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th đến tuổi trưởng thành.

Qua thu thập chứng cứ và xác minh tại chính quyền địa phương, lời khai của người làm chứng. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi ly thân đến nay, cháu Th sống cùng chị Nh và gia đình nhà ngoại, cháu Th phát triển bình thường như những đứa trẻ khác nên về tình cảm thì cháu Th sẽ quý mến mẹ nhiều hơn; hiện tại anh chị đều đi làm và có thu nhập; anh T làm việc tại thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, còn chị Nh làm việc tại cụm công nghiệp Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao nên việc đưa rước, chăm sóc con của anh T có phần hạn chế hơn so với chị Nh; xét chị Nh có công việc và thu nhập ổn định, cháu Th mới hơn bốn tuổi nên việc chăm sóc, nuôi dạy con sẽ tốt hơn anh T và để cho cháu Th phát triển bình thường như những đứa trẻ khác, nên HĐXX xét cần cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th là phù hợp với thực tế và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Ghi nhận việc anh T đã tự nguyện cấp dưỡng chi phí nuôi con chung cho chị Nh mỗi tháng là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu Thiện tròn 18 tuổi, cấp dưỡng lần đầu vào ngày 20/3/2025. Chị Nh đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con cho anh T. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị Nh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị Nh cam kết anh chị không có thiếu nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000 đồng anh Danh Chí T phải nộp do có yêu cầu. Anh T còn phải nộp án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Danh Chí T được ly hôn với chị Trần Ngọc Nh.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Trần Chí Th (giới tính nam), sinh ngày 07/6/2020 cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận việc anh Danh Chí T tự nguyện cấp dưỡng chi phí nuôi con chung cho cho chị Trần Ngọc Nh hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một*

triệu năm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng lần đầu vào ngày 20/3/2025 cho đến khi cháu Thiện tròn 18 tuổi.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Anh Danh Chí T không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh Thuận thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Danh Chí T phải chịu án phí là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng 02 khoản là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006138, ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh T còn phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/02/2025).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND thị trấn Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn